

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Cho năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 23
PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY VTC	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	24 - 25
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	26
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	27
PHỤ LỤC 2: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG MINH	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	28 - 29
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	30
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	31
PHỤ LỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÍCH HỢP	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	32 - 33
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	34
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	35

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn Thông VTC trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Viễn Thông VTC được thành lập từ việc cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp Nhà nước của Công ty Thiết bị điện thoại là “ Trung tâm nghiên cứu sản xuất và bảo dưỡng thiết bị thông tin 1 (VTC)” theo quyết định số 618/1999/QĐ-TCCB ngày 08 tháng 9 năm 1999 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện.

Công ty Cổ phần Viễn Thông VTC hiện nay hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 số 0301888195 ngày 23 tháng 7 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- **Vốn điều lệ** : 45.364.960.000 VND

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-08) 3833 1106

Fax : (84-08) 3830 0253

Mã số thuế : 0 3 0 1 8 8 8 1 9 5

- **Công ty con, Công ty liên kết**

*Công ty con:*

- Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE)

- + Địa chỉ: Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 73,21%

- + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông Minh (STID)

- + Địa chỉ: Lô I-3b-4a, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Tp. HCM

- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 60%

- + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60%

Số vốn góp vào Công ty Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE) có thể bị thay đổi vì đang trong giai đoạn góp vốn.

*Công ty liên kết:*

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng Việt Thành Công (VTCN)

- + Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường 22, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7

- + Tỷ lệ phần sở hữu: 30%

- + Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30%

- **Ngành, nghề kinh doanh**

- Nghiên cứu, sản xuất và lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử và tin học;

- Xây dựng, lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học;

- Chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử và tin học;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Xuất khẩu phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Kinh doanh các ngành nghề kỹ thuật, dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;
- Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Sản xuất các loại thẻ (card) dùng trong lĩnh vực: tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác;
- In offset, in nhiệt... trên thẻ;
- Viết phần mềm;
- Sản xuất, mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng các loại thẻ, thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ. Mua bán camera quan sát, cửa sử dụng khóa điện tử, khoá điện tử, vân phòng phẩm, máy móc và nguyên vật liệu sản xuất thẻ. Đại lý ký gửi hàng hóa;
- In offset trên bao bì. Nghiên cứu lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp hỗ trợ vận hành các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Cho thuê thiết bị cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Đại lý cung cấp và phát triển các dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ CDMA và PHS (IPAS). Mua bán các loại máy thiết bị đầu cuối dùng cho mạng viễn thông sử dụng công nghệ CDMA và PHS (IPAS);
- Đại lý phân phối sản phẩm cấp và vật liệu viễn thông;
- Tư vấn giám định tổn thất công trình, thiết bị bưu chính viễn thông, điện tử, tin học;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán sửa chữa điện thoại di động, các thiết bị phần cứng phần mềm của điện thoại di động;
- Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, thiết bị đầu cuối dùng trong viễn thông;
- Mua bán máy móc thiết bị văn phòng, thiết bị điện, điện tử, tin học, điện lạnh, các loại dùng trong viễn thông;
- Đại lý mua bán hàng hóa;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông internet;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng công trình viễn thông.

#### **Ban Quản lý, Điều hành**

Ban Quản lý, Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

*Họ và tên*

*Chức vụ*

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Việt Tống	Chủ tịch
Ông Lê Văn Giảng	Thành viên
Ông Võ Hùng Tiến	Thành viên
Ông Lê Xuân Tiến	Thành viên
Ông Hồ Lê Nhật Hoan	Thành viên

#### **Ban kiểm soát**

Ông Nguyễn Minh Trí	Trưởng ban
Ông Nguyễn Huỳnh Toại	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Xuân	Thành viên

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Việt Tổng

Tổng Giám đốc

Ông Lê Xuân Tiến

Phó Tổng Giám đốc

### Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm Báo cáo này (từ trang 6 đến trang 35).

### Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

### Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



**TRẦN VIỆT TỔNG - Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn Thông VTC bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2012, từ trang 6 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán của Chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

### Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến Chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VTC tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012



**VÔ THẾ HOÀNG** - Giám đốc điều hành  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0484/KTV



**VĂN NAM HẢI** - Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0832/KTV

### Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**

Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>57.107.492.994</b>	<b>56.728.580.564</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>3.169.070.519</b>	<b>3.157.580.278</b>
Tiền	111		3.169.070.519	3.157.580.278
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>660.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		660.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>33.976.335.078</b>	<b>37.110.492.577</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		29.965.243.913	24.034.539.298
2. Trả trước cho người bán	132		1.130.704.769	628.601.055
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		2.019.275.591	11.284.890.708
4. Các khoản phải thu khác	138	<b>VI.2</b>	1.302.284.630	1.450.001.379
5. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(441.173.825)	(287.539.863)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>14.374.977.174</b>	<b>13.172.281.873</b>
Hàng tồn kho	141	<b>VI.3</b>	14.374.977.174	13.172.281.873
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.927.110.223</b>	<b>3.288.225.836</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.468.910	20.456.400
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		154.603.668	2.150.778
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		3.150.000	39.902.756
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>VI.4</b>	4.756.887.645	3.225.715.902
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>36.670.827.756</b>	<b>38.457.399.286</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.568.975.392</b>	<b>27.989.183.477</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>VI.5</b>	25.549.807.965	27.941.075.740
- Nguyên giá	222		60.248.761.141	59.558.512.119
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.698.953.176)	(31.617.436.379)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>VI.6</b>	19.167.427	48.107.737
- Nguyên giá	228		405.406.950	445.531.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(386.239.523)	(397.424.213)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5.051.149.536</b>	<b>4.195.872.919</b>
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		5.051.149.536	4.195.872.919
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.050.702.828</b>	<b>6.272.342.890</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>VI.7</b>	4.762.932.283	5.200.289.988
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		369.576.364	406.521.666
3. Tài sản dài hạn khác	268	<b>VI.8</b>	918.194.181	665.531.236
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>93.778.320.750</b>	<b>95.185.979.850</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG VTC**

Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh




**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.841.641.291</b>	<b>22.583.493.356</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.430.221.291</b>	<b>21.366.981.356</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.9	8.187.962.747	6.872.624.776
2. Phải trả cho người bán	312		12.424.074.461	7.449.803.903
3. Người mua trả tiền trước	313		1.535.485.000	337.028.123
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.10	1.389.167.662	2.248.457.021
5. Phải trả công nhân viên	315		1.587.828.725	1.620.456.000
6. Chi phí phải trả	316	VI.11	1.081.952.552	560.459.593
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		779.390.564	806.947.120
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.12	1.098.657.662	1.136.648.726
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		345.701.918	334.556.094
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>411.420.000</b>	<b>1.216.512.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		10.000.000	10.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.13	-	805.092.000
3. Doanh thu chưa thực hiện	388		401.420.000	401.420.000
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>50.283.028.062</b>	<b>58.014.206.894</b>
<b>I. Nguồn vốn, quỹ</b>	<b>410</b>	VI.14	<b>50.283.028.062</b>	<b>58.014.206.894</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.346.960.000	45.346.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		200.264.000	200.264.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		655.550.779	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(55.530.000)	(55.530.000)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(420.992)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.613.355.635	3.955.931.201
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.149.777.153	2.110.340.080
8. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.029.153.280	1.015.194.744
9. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(3.656.502.785)	5.441.467.861
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIÊU SỞ</b>	<b>439</b>		<b>14.653.651.397</b>	<b>14.588.279.600</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>93.778.320.750</b>	<b>95.185.979.850</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Người lập báo cáo tài chính		3.611,39	22.535,57
 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012  <b>TRẦN VIỆT TÔNG</b> Tổng Giám đốc		 <b>TRẦN THỊ PHƯƠNG SƯƠNG</b> Kế toán trưởng	



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**

Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2011

(Có so sánh số liệu năm 2010)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	61.788.435.136	72.721.614.230
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		61.788.435.136	72.721.614.230
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	50.266.724.981	50.557.878.041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.521.710.155	22.163.736.189
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	722.428.391	486.968.263
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	1.589.923.896	2.885.469.433
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.274.387.785	2.131.086.504
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	7.527.485.024	7.834.591.962
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	10.182.530.891	10.402.265.683
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.055.801.265)	1.528.377.374
11. Thu nhập khác	31		1.164.586.585	518.711.122
12. Chi phí khác	32		1.347.212.274	317.234.028
13. Lợi nhuận khác	40		(182.625.689)	201.477.094
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		249.584.907	(289.894.015)
15. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		(6.988.842.047)	1.439.960.453
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		322.942.304	251.924.021
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		36.945.302	(135.560.836)
18. Lợi nhuận sau thuế	60		<u>(7.348.729.653)</u>	<u>1.323.597.268</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		197.954.561	536.914.415
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		(7.546.684.214)	786.682.853
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>(1.666,25)</u>	<u>188,06</u>



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012

**TRẦN VIỆT TÙNG**  
Tổng Giám đốc

**TRẦN THỊ PHƯƠNG SƯƠNG**  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG VTC**

Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		(6.988.842.047)	1.439.960.453
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.478.518.098	3.378.293.652
- Các khoản dự phòng	03		263.567.271	222.563.863
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(55.289.695)	106.438.826
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(880.253.199)	(158.351.768)
- Chi phí lãi vay	06		1.274.387.785	2.131.086.504
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>(2.907.911.787)</i>	<i>7.119.991.530</i>
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09		(1.006.059.811)	9.160.291.071
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		(1.202.695.301)	1.450.287.359
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.071.536.582	(6.558.024.088)
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12		445.345.195	(805.267.818)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.274.387.785)	(2.131.086.504)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(364.109.418)	(1.358.850.347)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		381.208.085	3.827.965.959
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.260.000.966)	(3.128.690.303)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.117.075.206)</b>	<b>7.576.616.859</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		1.687.578.504	(595.194.367)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.513.132.000	298.622.727
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(660.000.000)	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		76.017.276	(52.890.710)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.616.727.780</b>	<b>(349.462.350)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		17.021.118.822	17.153.777.073
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16.510.872.851)	(35.605.962.893)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>510.245.971</b>	<b>(18.452.185.820)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>9.898.545</b>	<b>(11.225.031.311)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>3.157.580.278</b>	<b>14.383.690.757</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.591.696	(1.079.168)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VI.1</b>	<b>3.169.070.519</b>	<b>3.157.580.278</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012



TRẦN VIỆT TÔNG  
Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ PHƯƠNG SƯƠNG  
Kế toán trưởng

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ Phần Viễn Thông VTC (gọi tắt là Công ty).

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
  - Nghiên cứu, sản xuất và lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử và tin học;
  - Xây dựng, lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học;
  - Chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử và tin học;
  - Xuất khẩu phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Kinh doanh các ngành nghề kỹ thuật, dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;
  - Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử và tin học;
  - Sản xuất các loại thẻ (card) dùng trong lĩnh vực: tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác;
  - In offset, in nhiệt... trên thẻ;
  - Viết phần mềm;
  - Sản xuất, mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng các loại thẻ, thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ. Mua bán camera quan sát, cửa sử dụng khóa điện tử, khóa điện tử, van phòng phẩm, máy móc và nguyên vật liệu sản xuất thẻ. Đại lý kỹ gửi hàng hóa;
  - In offset trên bao bì. Nghiên cứu lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp hỗ trợ vận hành các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
  - Cho thuê thiết bị cơ nổ và thiết bị lạnh;
  - Đại lý cung cấp và phát triển các dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ CDMA và PHS (IPAS). Mua bán các loại máy thiết bị đầu cuối dùng cho mạng viễn thông sử dụng công nghệ CDMA và PHS (IPAS);
  - Đại lý phân phối sản phẩm cáp và vật liệu viễn thông;
  - Tư vấn giám định tổn thất công trình, thiết bị bưu chính viễn thông, điện tử, tin học;
  - Sản xuất, lắp ráp, mua bán sửa chữa điện thoại di động, các thiết bị phần cứng phần mềm của điện thoại di động;
  - Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, thiết bị đầu cuối dùng trong viễn thông;
  - Mua bán máy móc thiết bị văn phòng, thiết bị điện, điện tử, tin học, điện lạnh, các loại dùng trong viễn thông;

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Đại lý mua bán hàng hóa;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông internet;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng công trình viễn thông.

#### 4. Công ty con, Công ty liên kết

**Công ty con được hợp nhất: số lượng 2 công ty**

- Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE)
  - + Địa chỉ: Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
  - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 73,21%
  - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông Minh (STID)
  - + Địa chỉ: Lô I-3b-4a, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Tp HCM
  - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 60%
  - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60%

Số vốn góp vào Công ty Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE) có thể bị thay đổi vì đang trong giai đoạn góp vốn

**Công ty liên kết được hợp nhất:**

Công ty Cổ phần Công nghệ mạng Việt Thành Công (VTCN):

- + Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường 22, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7
- + Tỷ lệ phần sở hữu: 30%
- + Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30%

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 3. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo	Ngày 31/12/2010:	18.932 VND/USD
	Ngày 31/12/2011:	20.828 VND/USD

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”.

#### **2. Hình thức kế toán áp dụng**

- Công ty Mẹ sử dụng hình thức sổ nhật ký chung;
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE) áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông Minh (STID) áp dụng hình sổ nhật ký chung.

#### **3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

##### *Các Công ty con:*

Các Công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của các Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

##### *Mua lại các Công ty con*

Các giao dịch mua lại với các đơn vị chịu kiểm soát chung được hạch toán theo giá trị ghi sổ trước giao dịch của tài sản và công nợ phát sinh từ giao dịch mua lại. Chênh lệch giữa các khoản thanh toán đã trả và giá trị ghi sổ liên quan trước giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào tài khoản Vốn khác và được Báo cáo là “Chênh lệch giá trị các giao dịch mua lại giữa các đơn vị chịu kiểm soát chung”. Tập đoàn áp dụng chính sách không trình bày lại các số liệu so sánh như thể sự hợp nhất đã tồn tại trong suốt các kỳ Báo cáo được trình bày.

##### *Các Công ty liên kết và liên doanh (các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)*

Các Công ty liên kết là những đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các Công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các Công ty liên kết và Công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của Tập đoàn vượt quá khoản đầu tư của tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Tập đoàn có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG VTC**

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### ***Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất***

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

## **IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

### ***Phương pháp khấu hao áp dụng***

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	4 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5

### 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm (phần mềm kế toán, phần mềm cài đặt máy IBM,...) vào sử dụng. Phần mềm vi tính được khấu hao từ 4 đến 6 năm.

### 7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được hợp nhất trên Báo cáo theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện gồm chi phí sửa chữa nhà xưởng, chi phí thuê đất tại khu Công nghệ cao quận 9 và các chi phí khác. Tuy nhiên khoản chi phí sửa chữa nhà xưởng và chi phí thuê đất tại khu Công nghệ cao quận 9 Công ty không phân bổ vào chi phí trong kỳ do đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ để chuyển nhượng, các chi phí còn lại được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm.

### 10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí dự án BTS Gtel Huawei Việt Nam năm 2009, dự án lắp đặt 350 trạm BTS Huawei, dự án HT Mobile huawei..., được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên hợp đồng hoặc các chi phí đã chi trong kỳ trước.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### **11. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ hoạt động cung cấp lắp đặt các thiết bị viễn thông, xây dựng công trình viễn thông, bán thẻ..., Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua, Công ty tiến hành xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Doanh thu các dự án cung cấp lắp đặt được xác định theo khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán.

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

### **14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG VTC**

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	170.175.083	120.280.071
Tiền gửi ngân hàng	2.998.895.436	3.037.300.207
<b>Cộng</b>	<b>3.169.070.519</b>	<b>3.157.580.278</b>
2. Các khoản phải thu khác		
Phải thu người lao động	77.440.767	130.311.160
Phải thu BHXH	17.816.587	45.448.640
Phải thu khác	1.207.027.276	1.274.241.579
<b>Cộng</b>	<b>1.302.284.630</b>	<b>1.450.001.379</b>
3. Hàng tồn kho		
Nguyên vật liệu	4.376.085.552	4.137.903.500
Công cụ dụng cụ	881.157.515	921.017.289
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.164.399.241	3.064.766.857
Thành phẩm	199.513.200	220.129.609
Hàng hóa	3.601.803.373	3.608.629.759
Hàng gửi đi bán	152.018.293	1.219.834.859
<b>Cộng</b>	<b>14.374.977.174</b>	<b>13.172.281.873</b>
4. Tài sản ngắn hạn khác		
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	15.457.819
Tạm ứng công nhân viên thực hiện công việc	4.191.181.565	2.854.726.640
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	565.706.080	355.531.443
<b>Cộng</b>	<b>4.756.887.645</b>	<b>3.225.715.902</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG VTC**

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**5. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	23.106.103.576	28.059.090.531	5.531.334.768	2.861.983.244	59.558.512.119
2. Tăng trong năm	70.420.800	1.556.913.172	-	60.244.532	1.687.578.504
3. Giảm trong năm	642.414.482	-	354.915.000	-	1.994.658.964
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>22.534.109.894</b>	<b>29.616.003.703</b>	<b>5.176.419.768</b>	<b>2.922.227.776</b>	<b>60.248.761.141</b>
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>					
1. Số đầu năm	1.781.750.538	23.582.497.039	3.479.600.464	2.773.588.338	31.617.436.379
2. Tăng trong năm	650.704.686	2.248.270.147	430.903.827	148.639.438	3.478.518.098
3. Giảm trong năm	42.086.301	-	354.915.000	-	397.001.301
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>2.390.368.923</b>	<b>25.830.767.186</b>	<b>3.555.589.291</b>	<b>2.922.227.776</b>	<b>34.698.953.176</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Số đầu năm	21.324.353.038	4.476.593.492	2.051.734.304	88.394.906	27.941.075.740
<b>2. Số cuối năm</b>	<b>20.143.740.971</b>	<b>3.785.236.517</b>	<b>1.620.830.477</b>	<b>-</b>	<b>25.549.807.965</b>

**6. Tăng, giảm TSCĐ vô hình**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Cộng TSCĐ vô hình</i>
<b>I. Nguyên giá</b>		
1. Số đầu năm	445.531.950	445.531.950
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	40.125.000	40.125.000
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>405.406.950</b>	<b>405.406.950</b>
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>		
1. Số đầu năm	397.424.213	397.424.213
2. Tăng trong năm	26.432.520	26.432.520
3. Giảm trong năm	37.617.210	37.617.210
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>386.239.523</b>	<b>386.239.523</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
1. Số đầu năm	48.107.737	48.107.737
<b>2. Số cuối năm</b>	<b>19.167.427</b>	<b>19.167.427</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG VTC**

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**7. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ đã phân bổ 100% giá trị còn sử dụng - Thẩm định	64.293.532	100.475.492
Giá trị lợi thế kinh doanh - Thẩm định	200.433.268	263.450.285
Thuê đất khu công nghệ cao	4.034.752.481	4.085.001.085
Tổng CP liên quan đến sửa văn phòng do cháy	83.413.960	250.241.884
Chi phí khác	380.039.042	501.121.242
<b>Cộng</b>	<b><u>4.762.932.283</u></b>	<b><u>5.200.289.988</u></b>

**8. Tài sản dài hạn khác**

Công ty Tài chính Bưu điện - FTP	600.000.000	600.000.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam	215.000.000	33.750.000
Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam	71.407.945	31.781.236
Khác	31.786.236	
<b>Cộng</b>	<b><u>918.194.181</u></b>	<b><u>665.531.236</u></b>

**9. Vay và nợ ngắn hạn**

Ngân hàng Chinatrust	-	3.266.824.776
Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam	112.200.000	357.800.000
Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam	7.270.670.747	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	805.092.000	3.248.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.187.962.747</u></b>	<b><u>6.872.624.776</u></b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Thuế GTGT hàng bán nội địa	806.314.903	1.965.901.137
Thuế thu nhập doanh nghiệp	531.012.820	243.024.836
Thuế thu nhập cá nhân	51.839.939	39.531.048
<b>Cộng</b>	<b><u>1.389.167.662</u></b>	<b><u>2.248.457.021</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### 11. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án BTS Gtel Huawei Vietnam - 2009	243.423.488	243.423.488
Dự án HT mobile Huawei	77.212.625	77.212.625
Lắp đặt 350 trạm BTS Huawei	-	157.623.480
Lắp đặt tổng đài công trình CNHN	82.200.000	82.200.000
Dự án LD 290 Vinaphone (Site survey + BSC + BTS)	208.704.900	-
Lãi vay	92.201.792	-
Chi phí khác	378.209.747	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.081.952.552</u></b>	<b><u>560.459.593</u></b>

### 12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Bảo hiểm xã hội	-	548.689.464
Bảo hiểm y tế	18.144.006	-
Kinh phí công đoàn	506.289.364	112.732.977
Bảo hiểm thất nghiệp	13.815.397	13.902.920
Cổ tức phải trả	190.483.536	80.728.000
Các khách hàng khác	369.925.359	380.595.365
<b>Cộng</b>	<b><u>1.098.657.662</u></b>	<b><u>1.136.648.726</u></b>

### 13. Vay dài hạn

Vay dài hạn ngân hàng Quốc Tế Việt Nam.

-

**805.092.000**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**14. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ Khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số đầu năm</b>	<b>45.346.960.000</b>	<b>200.264.000</b>	-	(420.992)	(55.530.000)	3.955.931.201	2.110.340.080	1.015.194.744	5.441.467.861	<b>58.014.206.894</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	655.550.779	-	-	-	-	-	-	655.550.779
Hoàn nhập CLTG cuối năm trước	-	-	-	420.992	-	-	-	-	-	420.992
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.546.684.214)	(7.546.684.214)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(78.874.146)	(78.874.146)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	1.312.975.213	-	-	(1.312.975.213)	-
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	39.437.073	-	(39.437.073)	-
Trích quỹ khác	-	-	-	-	-	-	-	200.000.000	(120.000.000)	80.000.000
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(655.550.779)	-	(186.041.464)	-	(841.592.243)
<b>Số cuối năm</b>	<b>45.346.960.000</b>	<b>200.264.000</b>	<b>655.550.779</b>	-	(55.530.000)	<b>4.613.355.635</b>	<b>2.149.777.153</b>	<b>1.029.153.280</b>	<b>(3.656.502.785)</b>	<b>50.283.028.062</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	21.156.634.000	21.156.634.000
Vốn góp của các đối tượng khác	24.190.326.000	24.190.326.000
<b>Cộng</b>	<b>45.346.960.000</b>	<b>45.346.960.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.534.696	4.534.696
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.534.696	4.534.696
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.534.696	4.534.696
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.553	5.553
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.553	5.553
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.529.143	4.529.143
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.529.143	4.529.143
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	39.243.270.145	45.211.598.588
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.969.827.101	22.906.412.114
Doanh thu bán hàng hóa	7.423.140.452	4.485.461.106
Khác	152.197.438	118.142.422
<b>Doanh thu thuần</b>	<u><b>61.788.435.136</b></u>	<u><b>72.721.614.230</b></u>

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán	50.266.724.981	50.557.878.041
<b>Cộng</b>	<u><b>50.266.724.981</b></u>	<u><b>50.557.878.041</b></u>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi	76.017.276	54.079.928
Chênh lệch tỷ giá thanh toán	553.464.176	278.939.308
Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	92.946.939	-
<b>Cộng</b>	<u><b>722.428.391</b></u>	<u><b>333.019.236</b></u>

**4. Chi phí tài chính**

Lãi tiền vay	1.274.387.785	2.131.086.504
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	196.986.149	590.377.035
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	37.657.244	151.642.826
Chi phí tài chính khác	80.892.718	12.363.068
<b>Cộng</b>	<u><b>1.589.923.896</b></u>	<u><b>2.885.469.433</b></u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	2.720.418.240	2.888.907.467
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	83.880.218	121.215.054
Chi phí khấu hao TSCĐ	131.412.502	199.969.148
Chi phí bảo hành	67.635.938	60.211.261
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	642.867.103	442.556.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.648.033.007	2.071.094.623
Chi phí bằng tiền khác	2.233.238.016	2.050.638.100
<b>Cộng</b>	<b><u>7.527.485.024</u></b>	<b><u>7.834.591.962</u></b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	4.820.529.547	4.820.319.204
Chi phí vật liệu quản lý	73.806.930	85.353.797
Chi phí đồ dùng văn phòng	122.760.881	136.321.150
Chi phí khấu hao	202.641.904	187.189.727
Thuế, phí, lệ phí	61.827.015	84.385.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.633.962	222.563.863
Chi phí bằng tiền khác	2.170.993.501	2.467.978.168
<b>Cộng</b>	<b><u>2.576.337.151</u></b>	<b><u>2.398.153.853</u></b>

### 7. Thu nhập khác

Thanh lý TSCĐ	813.132.000	287.872.727
Thu tiền bồi thường	36.801.165	1.483.272
Thu nhập khác	314.653.420	229.355.123
<b>Cộng</b>	<b><u>1.164.586.585</u></b>	<b><u>518.711.122</u></b>

### 8. Chi phí khác

Chi trị còn lại TSCĐ	600.328.181	262.894.302
Tiền bồi thường	355.776.000	13.000.000
Khác	391.108.093	41.339.726
<b>Cộng</b>	<b><u>1.347.212.274</u></b>	<b><u>317.234.028</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, Số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	39,10	59,60
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	60,90	40,40
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	30,76	23,73
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	53,62	60,95
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,25	4,21
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,01	2,65

#### 2. Thông tin so sánh

Một số số liệu của báo cáo năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số trước điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	260.834.125	334.556.094	(73.721.969)
Lợi ích cổ đông thiểu số	439	14.662.001.569	14.588.279.600	73.721.969



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012

TRẦN VIỆT TÙNG  
Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ PHƯƠNG SƯƠNG  
Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**

Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>28.835.259.316</b>	<b>46.725.271.655</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>2.056.009.188</b>	<b>1.918.051.744</b>
Tiền	111		2.056.009.188	1.918.051.744
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>660.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		660.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>14.189.501.759</b>	<b>34.094.107.426</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		11.132.976.775	21.358.748.247
2. Trả trước cho người bán	132		623.924.220	496.892.055
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		2.019.275.591	11.284.890.708
4. Các khoản phải thu khác	138	VI.2	741.868.444	1.018.552.416
5. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(328.543.271)	(64.976.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.527.879.574</b>	<b>7.571.445.582</b>
Hàng tồn kho	141	VI.3	7.527.879.574	7.571.445.582
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.401.868.795</b>	<b>3.141.666.903</b>
1. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		-	34.103.743
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.4	4.401.868.795	3.107.563.160
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>33.867.660.090</b>	<b>33.270.214.817</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.522.944.610</b>	<b>4.618.023.989</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.5	3.522.944.610	4.605.484.943
- Nguyên giá	222		16.113.950.256	15.944.292.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.591.005.646)	(11.338.807.241)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.6	-	12.539.046
- Nguyên giá	228		216.790.883	256.915.883
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(216.790.883)	(244.376.837)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>27.402.978.823</b>	<b>25.966.863.977</b>
1. Đầu tư vào Công ty con	251	VI.7	21.402.978.823	20.572.555.687
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	VI.8	6.000.000.000	5.394.308.290
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.941.736.657</b>	<b>2.685.326.851</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.9	1.897.981.640	1.894.234.779
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		135.560.836	135.560.836
3. Tài sản dài hạn khác	268	VI.10	908.194.181	655.531.236
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>62.702.919.406</b>	<b>79.995.486.472</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG VTC**

Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.416.295.523</b>	<b>20.909.166.788</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.014.875.523</b>	<b>20.507.746.788</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.11	112.200.000	3.624.624.776
2. Phải trả cho người bán	312		6.056.687.107	10.183.639.278
3. Người mua trả tiền trước	313		-	325.820.073
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.12	121.525.174	1.794.946.856
5. Phải trả công nhân viên	315		525.391.625	817.756.000
6. Chi phí phải trả	316	VI.13	886.995.558	560.459.593
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		779.390.564	806.947.120
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.14	2.419.300.410	2.243.301.921
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		113.385.085	150.251.171
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>401.420.000</b>	<b>401.420.000</b>
Doanh thu chưa thực hiện	388		401.420.000	401.420.000
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>51.286.623.883</b>	<b>59.086.319.684</b>
<b>I. Nguồn vốn, quỹ</b>	<b>410</b>	<b>VI.15</b>	<b>51.286.623.883</b>	<b>59.086.319.684</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.346.960.000	45.346.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		200.264.000	200.264.000
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(55.530.000)	(55.530.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.788.928.136	3.788.928.136
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.026.838.547	2.026.838.547
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.015.194.744	1.015.194.744
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(1.036.031.544)	6.763.664.257
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>62.702.919.406</b>	<b>79.995.486.472</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
- USD		3.141,45	21.555,34



TRẦN VIỆT TÙNG  
 Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ PHƯƠNG SƯƠNG  
 Kế toán trưởng

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

(Có so sánh số liệu năm 2010)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	29.029.241.184	62.280.971.580
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		29.029.241.184	62.280.971.580
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	27.659.989.932	52.430.545.108
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.369.251.252	9.850.426.472
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	695.453.592	390.320.841
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	566.008.897	745.238.504
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>257.101.390</i>	<i>460.011.830</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	3.819.535.566	3.843.069.239
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	5.908.442.767	5.508.298.031
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.229.282.386)	144.141.539
11. Thu nhập khác	31	VII.7	429.586.585	331.941.822
12. Chi phí khác	32		-	262.894.302
13. Lợi nhuận khác	40		429.586.585	69.047.520
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		(7.799.695.801)	213.189.059
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.8	-	243.024.836
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(135.560.836)
17. Lợi nhuận sau thuế	60		(7.799.695.801)	105.725.059
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.722)	23

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2012



TRẦN VIỆT TÙNG  
Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ PHƯƠNG THƯƠNG  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG VTC**

Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		(7.799.695.801)	213.189.059
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.579.527.451	1.407.128.890
- Các khoản dự phòng	03		263.567.271	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(56.295.427)	106.438.826,00
- Lợi từ hoạt động đầu tư	05		(167.041.728)	(111.149.596)
- Chi phí lãi vay	06		257.101.390	460.011.830
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>(5.922.836.844)</i>	<i>2.075.619.009</i>
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09		17.203.405.737	10.977.460.796
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		43.566.008	(280.536.899)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.957.830.011)	(5.148.523.727)
- Giảm chi phí trả trước	12		(3.746.861)	111.455.803
- Tiền lãi vay đã trả	13		(257.101.390)	(460.011.830)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(243.024.836)	(1.110.949.410)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		924.767.822	1.712.847.423
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.722.469.211)	(2.857.305.993)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.064.730.414</b>	<b>5.020.055.172</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(484.448.072)	(369.218.883)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		113.132.000	298.622.727
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(660.000.000)	-
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.436.114.846)	(322.018.631)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		53.909.728	111.149.596
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.413.521.190)</b>	<b>(281.465.191)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	4.846.110.000
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.537.671.196	6.326.353.963
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.050.095.972)	(15.618.309.812)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(4.846.110.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.512.424.776)</b>	<b>(9.291.955.849)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>138.784.448</b>	<b>(4.553.365.868)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>1.918.051.744</b>	<b>6.471.417.612</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(827.004)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>VI.1</b>	<b>2.056.009.188</b>	<b>1.918.051.744</b>



**TRẦN VIỆT TÔNG**  
Tổng Giám đốc

*Nguyễn Phương Sương*

**TRẦN THỊ PHƯƠNG SƯƠNG**  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG MINH**

Lô 1-3b-4-a, Đường N6, Khu công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>28.751.943.458</b>	<b>15.247.416.858</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>993.558.925</b>	<b>1.196.870.742</b>
Tiền	111		993.558.925	1.196.870.742
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>20.476.001.125</b>	<b>8.375.306.670</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		18.106.267.673	6.885.508.586
2. Trả trước cho người bán	132		506.780.549	129.212.000
3. Các khoản phải thu khác	138		1.975.583.457	1.583.149.947
4. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(112.630.554)	(222.563.863)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.777.092.600</b>	<b>5.530.831.291</b>
Hàng tồn kho	141		6.777.092.600	5.530.831.291
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>505.290.808</b>	<b>144.408.155</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.468.910	20.456.400
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		137.803.048	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		-	5.799.013
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		355.018.850	118.152.742
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>26.369.800.588</b>	<b>28.092.886.332</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.157.759.745</b>	<b>24.432.021.789</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		23.138.592.318	24.396.453.098
- Nguyên giá	222		43.694.880.492	43.174.289.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.556.288.174)	(18.777.836.444)
2. Tài sản cố định vô hình	227		19.167.427	35.568.691
- Nguyên giá	228		188.616.067	188.616.067
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(169.448.640)	(153.047.376)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.212.040.843</b>	<b>3.660.864.543</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.202.040.843	3.650.864.543
2. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	10.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>55.121.744.046</b>	<b>43.340.303.190</b>

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG MINH**

Lô 1-3b-4-a, Đường N6, Khu công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>19.650.330.544</b>	<b>8.866.381.407</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.640.330.544</b>	<b>8.051.289.407</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		8.075.762.747	3.248.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		7.026.403.889	3.172.526.260
3. Người mua trả tiền trước	313		1.535.485.000	11.208.050
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314		1.260.876.238	429.935.165
5. Phải trả công nhân viên	315		1.062.437.100	802.700.000
6. Chi phí phải trả	316		194.956.994	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		252.091.743	202.615.009
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		232.316.833	184.304.923
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.000.000</b>	<b>815.092.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		10.000.000	10.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	805.092.000
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>35.471.413.502</b>	<b>34.473.921.783</b>
<b>I. Nguồn vốn, quỹ</b>	<b>410</b>		<b>35.471.413.502</b>	<b>34.473.921.783</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		32.000.000.000	32.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.092.584.632	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(420.992)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.374.045.832	278.338.442
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		204.897.676	139.169.221
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		13.958.536	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		785.926.826	2.056.835.112
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>55.121.744.046</b>	<b>43.340.303.190</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD		469,94	880,20

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 2 năm 2012



**LÊ VĂN GIANG**  
Giám đốc

**HỒ THỊ LAN PHƯƠNG**  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG MINH**

Lô 1-3b-4-a, Đường N6, Khu công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

(Có so sánh số liệu năm 2010)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		40.542.686.452	41.326.562.863
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		40.542.686.452	41.326.562.863
4. Giá vốn hàng bán	11		30.393.921.568	30.299.134.724
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.148.764.884	11.027.428.139
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		25.751.663	92.816.829
7. Chi phí tài chính	22		1.023.914.999	2.140.230.929
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.017.286.395	1.671.074.674
8. Chi phí bán hàng	24		3.707.949.458	3.720.597.652
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.192.928.411	4.131.049.194
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.249.723.679	1.128.367.193
11. Thu nhập khác	31		735.000.000	186.769.300
12. Chi phí khác	32		1.347.212.274	54.339.726
13. Lợi nhuận khác	40		(612.212.274)	132.429.574
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		1.637.511.405	1.260.796.767
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		322.942.304	8.899.185
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		1.314.569.101	1.251.897.582

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 2 năm 2012

  
**LÊ VĂN GIẢNG**  
 Giám đốc



**HỒ THỊ LAN PHƯƠNG**  
 Kế toán trưởng

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG MINH**

Lô 1-3b-4-a, Đường N6, Khu công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.637.511.405	1.260.796.767
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.836.939.295	1.922.299.970
- Các khoản dự phòng	03		(109.933.309)	222.563.863,00
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(2.228.868)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(121.779.367)	(43.371.579)
- Chi phí lãi vay	06		1.017.286.395	1.671.074.674
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		4.257.795.551	5.033.363.695
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09		(12.361.305.911)	(1.967.146.578)
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		(1.246.261.309)	1.757.677.258
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.907.400.703	(782.177.400)
- Giảm chi phí trả trước	12		456.811.190	(893.845.941)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.017.286.395)	(1.671.074.674)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(121.084.582)	(117.961.784)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		980.270.346	1.990.118.536
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(643.842.973)	(760.648.780)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(3.787.503.380)</b>	<b>2.588.304.332</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.163.005.432)	(167.269.030)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		700.000.000	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.107.548	43.371.579
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(440.897.884)</b>	<b>(123.897.451)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		14.299.533.626	11.108.417.389
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.276.862.879)	(20.235.419.383)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>4.022.670.747</b>	<b>(9.127.001.994)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<b>(205.730.517)</b>	<b>(6.662.595.113)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		<b>1.196.870.742</b>	<b>7.860.545.023</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.418.700	(1.079.168)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70		<b>993.558.925</b>	<b>1.196.870.742</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 2 năm 2012

**LÊ VĂN GIANG**

Giám đốc

**HỒ THỊ LAN PHƯƠNG**

Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÍCH HỢP**

750 Điện Biên Phủ - Phường 11 - Quận 10 - TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		1.944.156.174	2.163.636.818
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		119.502.406	42.657.792
Tiền	111		119.502.406	42.657.792
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.734.698.148	2.048.823.248
1. Phải thu khách hàng	131		1.633.000.000	1.944.628.100
2. Trả trước cho người bán	132		-	2.497.000
3. Các khoản phải thu khác	135		101.698.148	101.698.148
IV. Hàng tồn kho	140		70.005.000	70.005.000
Hàng tồn kho	141		70.005.000	70.005.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.950.620	2.150.778
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.800.620	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		3.150.000	2.150.778
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		75.392.064	266.320.796
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.392.062	65.241.462
Tài sản cố định hữu hình	221		15.392.062	65.241.462
Nguyên giá	222		149.548.254	149.548.254
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(134.156.192)	(84.306.792)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		60.000.002	201.079.334
Chi phí trả trước dài hạn	261		60.000.002	201.079.334
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.019.548.238</b>	<b>2.429.957.614</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÍCH HỢP

750 Điện Biên Phủ - Phường 11 - Quận 10 - TP.HCM

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>254.750.250</b>	<b>271.559.000</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>254.750.250</b>	<b>271.559.000</b>
1. Phải trả người bán	312		247.984.000	247.984.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		6.766.250	23.575.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.764.797.988</b>	<b>2.158.398.614</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.764.797.988</b>	<b>2.158.398.614</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.008.978.823	2.178.555.687
2. Lỗ lũy kế	420		(1.244.180.835)	(20.157.073)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.019.548.238</b>	<b>2.429.957.614</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### CHỈ TIÊU

Thuyết minh

Số cuối năm

Số đầu năm

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2012



HỒ LÊ NHẬT HOÀN

Giám đốc

TRẦN THỊ PHƯƠNG SƯƠNG

Phụ trách kế toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÍCH HỢP**

750 Điện Biên Phủ - Phường 11 - Quận 10 - TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

(Có so sánh số liệu với năm 2010)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		9.000.000	1.936.028.000
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.000.000	1.936.028.000
4 Giá vốn hàng bán	11		5.305.981	628.282.090
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.694.019	1.307.745.910
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.223.136	3.830.593
7 Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	270.925.071
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.228.940.917	942.926.230
10 Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.224.023.762)	97.725.202
11 Thu nhập khác	31		-	-
12 Chi phí khác	32		-	-
13 Thu nhập khác	40		-	-
14 Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.224.023.762)	97.725.202
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.224.023.762)	97.725.202
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(5.066)	486

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2012



**HỒ LÊ NHẬT HOAN**  
Giám đốc

**TRẦN THỊ PHƯƠNG SƯƠNG**  
Phụ trách kế toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÍCH HỢP**

750 Điện Biên Phủ - Phường 11 - Quận 10 - TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lỗ trước thuế	01		(1.224.023.762)	97.725.202
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		49.849.400	43.051.220
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.223.136)	(3.830.593)
<i>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		<i>(1.175.397.498)</i>	<i>136.945.829</i>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		376.748.394	(331.501.108)
- Tăng hàng tồn kho	10		-	(26.853.000)
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể phải trả chỉ phí lãi vay, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(16.808.750)	(161.565.000)
- Giảm chi phí trả trước	12		141.079.332	141.079.332
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(129.939.153)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	97.555.687
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(29.380.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(674.378.522)</b>	<b>(303.657.413)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(58.706.454)
- Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27		1.223.136	3.830.593
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.223.136</b>	<b>(54.875.861)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		750.000.000	349.462.944
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>750.000.000</b>	<b>349.462.944</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>76.844.614</b>	<b>(9.070.330)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>42.657.792</b>	<b>51.728.122</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>119.502.406</b>	<b>42.657.792</b>

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2012



**HỒ LÊ NHẬT HOAN**

Giám đốc

**TRẦN THỊ PHƯƠNG SƯƠNG**

Phụ trách kế toán